

Bản án số: 28/2022/ HNGĐ- ST

Ngày: 27/4/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Với Th phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan – Thẩm phán

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Ông Lê Hữu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Th – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm C khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2022/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022, về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXX – ST ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1973

Nơi ĐKNKTT: Thôn 1, xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Chỗ ở hiện nay: Thôn 4, xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1969

Nơi ĐKNKTT : Thôn 1, xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Hôn nhân: Chị T và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 24/7/1992. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc nên đã có 2 con chung, thời gian sau vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L không chịu tu trí làm ăn, thường đánh đập chị T và không có

trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, sống không có hạnh phúc. Sau khi mâu thuẫn xảy ra gia đình đã khuyên giải, dàn xếp nhiều lần nhưng không có kết quả, anh L vẫn không thay đổi. Đến năm 2010 mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo.

Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Văn Th, sinh năm 1994 và cháu Nguyễn Văn C, sinh năm 1998. Hiện nay hai cháu đã trưởng Th và phát triển bình thường tự lo liệu cho cuộc sống của các cháu nên các cháu ở với ai do các cháu lựa chọn. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con chung.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh L và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Thọ Thế cấp như chị T trình bày là đúng. Quá trình vợ chồng chung sống cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Đến năm 2010 chị T đi vào Miền Nam để chăm con ăn học trong đó, kể từ đó vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo.

Nay anh vẫn còn thương yêu chị T, mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ nên anh không đồng ý ly hôn với chị T

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Văn Th, sinh năm 1994 và cháu Nguyễn Văn C, sinh năm 1998. Hiện nay hai cháu đã trưởng Th và phát triển bình thường.

- Về tài sản: Anh L không có ý kiến gì về phần tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, anh L vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt

Căn cứ vào khoản 2 điều 227, khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 24/7/1992. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc nên đã có hai con chung, thời gian sau vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L không tu trí làm ăn và có bạo lực trong gia đình gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, sống không có hạnh phúc. Sau khi mâu thuẫn xảy ra gia đình đã dàn xếp nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả, đến năm 2010 mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh L vẫn còn thương yêu chị T và mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ, nhưng anh không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo, vì vậy khó có khả năng để cải thiện tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Văn Th, sinh năm 1994 và cháu Nguyễn Văn C, sinh năm 1998. Hiện nay hai cháu đã trưởng Th và phát triển bình thường tự lo liệu cho cuộc sống của các cháu nên các cháu ở với ai do các cháu lựa chọn. Hội đồng xét xử không xem xét về phần con chung

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật
Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1,3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng là 300.000đ tại biên lai số 0006475 ngày 02/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Tòa án tỉnh;
- VKS Triệu Sơn;
- C.cục thi hành án DS Triệu Sơn;
- UBND xã T
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.**

Lê Thị Lan

